

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 811/QĐ-BNN-TT ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nội dung Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Sản xuất trồng trọt theo hướng xanh, hữu cơ, tuần hoàn, đa giá trị, phát thải thấp, phù hợp với chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; phát triển sản xuất trồng trọt theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển hợp tác xã và theo định hướng thị trường trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa các đối tác, lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

2. Yêu cầu

Bám sát nội dung Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các văn bản của Trung ương, của tỉnh để cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành trồng trọt gắn với sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, các sản phẩm chủ lực dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh theo hướng canh tác thân thiện với môi trường, bảo vệ hệ sinh thái. Tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, vững chắc an ninh lương thực, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt bình quân của tỉnh đạt trên 2,2%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt bình quân trên 5%/năm.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương...) 10%, trồng trọt hữu cơ 1%. Tỷ lệ giá trị sản phẩm trồng trọt được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt trên 30%.

- Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm trồng trọt đạt 16,5 triệu USD.

- Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất trồng trọt đạt 120 triệu đồng.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phấn đấu đến năm 2050 phát triển trồng trọt trở thành ngành kinh tế kỹ thuật phát triển ở mức trung bình của cả nước. Các sản phẩm ngành trồng trọt được sản xuất theo nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, an toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nội dung Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung của tỉnh đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức, thống nhất hành động.

2. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển hàng hóa tập trung

- Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, phát

triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung quy mô lớn, đảm bảo an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hóa trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, truy xuất nguồn gốc, cấp nhãn hiệu, chỉ dẫn vùng trồng. Khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Đưa giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, chống chịu tốt với sâu bệnh, phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương vào sản xuất; bảo tồn và phát triển các giống bản địa có giá trị cao. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả của công tác phòng, chống dịch bệnh, xử lý nghiêm vi phạm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm. Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp trực tiếp đầu tư hoặc liên kết với nông dân trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chủ lực.

+ Cây cao su: Duy trì chăm sóc, quản lý, bảo vệ tốt gần 13.000 ha cây cao su hiện có, sản lượng mủ cao su đạt khoảng 14.000 tấn/năm. Sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo vệ môi trường trong chế biến mủ cao su, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập.

+ Cây Mắc ca: Tổng diện tích mắc ca đạt khoảng 35.000 ha. Khai thác lợi thế tiềm năng về đất đai, khí hậu, lao động của các tiểu vùng để phát triển đạt hiệu quả kinh tế cao theo hướng phát triển bền vững, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng cơ cấu giống mắc ca phù hợp từng vùng sinh thái, áp dụng kỹ thuật trồng xen, kỹ thuật canh tác, thu hoạch quả... nâng cao thu nhập cho người lao động.

+ Cây chè: Giữ ổn định và đầu tư thâm canh diện tích chè trên 10.000 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 90.000 tấn/năm. Áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật thâm canh như tưới nước tiết kiệm, cơ giới hóa khâu đốn, hái chè, sản xuất chè theo các tiêu chuẩn an toàn. Đổi mới công nghệ thiết bị chế biến, đa dạng hoá sản phẩm, đẩy mạnh liên kết giữa người sản xuất và các doanh nghiệp chế biến để tăng cường quản lý chất lượng và nâng cao giá trị sản xuất gắn với việc xây dựng thương hiệu chè Lai Châu.

+ Lúa gạo: Giữ ổn định diện tích đất sản xuất lúa nước trên 20.300 ha; Ổn định 3.500 ha lúa hàng hóa, trong đó có khoảng 2.000 ha lúa đặc sản. Sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng lúa. Bố trí cơ cấu giống, thời vụ gieo trồng theo hướng thuận thiên có kiểm soát thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung gieo trồng các giống lúa chất lượng cao theo nhu cầu của thị trường và áp dụng quy trình canh tác bền vững, giảm vật tư đầu vào; nâng tỷ lệ sử dụng giống xác nhận lên trên 90%, tập trung phát triển cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất đến thu hoạch...

+ Cây ăn quả: Phát triển trên 9.800 ha cây ăn quả tập trung. Tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực tập trung trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái, gắn với phát triển các nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ. Ưu tiên phát triển một số cây ăn quả có lợi thế, có thị trường tiêu thụ như xoài, chuối, chanh leo,.. Phát triển các vùng sản xuất an toàn được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP..., được cấp mã số vùng trồng; áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản sản phẩm.

+ Cây rau: Phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu để tăng diện tích và đa dạng chủng loại, mùa vụ với quy mô trên 3.200 ha; diện tích rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc trên 250 ha. Sản xuất rau hướng vào nâng cao chất lượng, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ... để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

+ Cây ngô: Giữ ổn định và đầu tư thâm canh diện tích ngô trên 18.000 ha, thực hiện chuyển đổi một phần diện tích trồng ngô lấy hạt hiệu quả kém sang trồng cây khác; khuyến khích phát triển ngô sinh khối làm thức ăn chăn nuôi, ngô thực phẩm phục vụ thị trường và chế biến. Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi liên kết với nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã để sản xuất, thu mua và chế biến tại các vùng sản xuất tập trung.

3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chuỗi sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm (từ khâu làm đất, giống, chăm sóc, chế biến...). Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyên giao kỹ thuật, khoa học công nghệ; hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng, thực hiện tốt các quy trình sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp trong nhà màng, nhà lưới... tạo ra các sản phẩm sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng các thị trường. Đến năm 2030, phần đầu có khoảng 2.400 ha chè, 1.500 ha lúa, 10.500 ha mắc ca, 2.500 ha cây ăn quả theo hình thức sản xuất an toàn, hữu cơ.

- Khuyến khích người sản xuất sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Tăng cường xây dựng các mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi, mô hình nông nghiệp tuần hoàn...

- Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư thiết bị hiện đại, đổi mới dây chuyền công nghệ, ứng dụng công nghệ sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt và đồng đều để nâng cao giá trị các

sản phẩm. Gắn sản xuất với công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng đối với các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa của tỉnh. Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa mới cho một số nông sản chủ lực, đặc sản của tỉnh.

4. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị; phát triển thị trường đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản

- Tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị và kinh tế số vào chuỗi giá trị.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết vùng, liên kết khu vực, trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, tạo sự phát triển đồng bộ, bền vững. Sản xuất tập trung quy mô lớn trên cơ sở tăng cường áp dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại, công nghệ sinh học, kỹ thuật canh tác tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp... nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô, giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, thương mại điện tử nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa có thế mạnh của tỉnh để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Chủ động nắm bắt thông tin về thị trường, tiêu chuẩn chất lượng thị trường trong nước và các nước nhập khẩu để phổ biến, thông tin đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn biết để có kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp, gắn với thị trường tiêu thụ.

5. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt, từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh trồng trọt (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...).

- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong trồng trọt; quản lý nông sản theo chuỗi từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia nông nghiệp, nông thôn phục vụ cho chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện kết cấu hạ tầng

- Chú trọng công tác đổi mới tư duy của người nông dân từ nền nông nghiệp nhỏ lẻ chuyển sang sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật trồng trọt, chuyên đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”, quản lý sinh vật gây hại và an toàn thực phẩm cho nông dân thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Tăng cường đào tạo nghề cho công nhân các nhà máy chế biến, khu công nghiệp, đào tạo nghề cho nông dân các vùng sản xuất tập trung, gắn đào tạo nghề với sản xuất các sản phẩm hàng hóa; đội ngũ quản lý hợp tác xã, thành viên, người sáng lập khởi nghiệp, các hợp tác xã nhằm trang bị kiến thức đảm bảo hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

- Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển các cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp gắn với các vùng chuyên canh nhằm hỗ trợ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

7. Hoàn thiện thể chế, chính sách

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách về nông nghiệp; chính sách đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp; triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ chuyển đổi tập trung đất đai nhằm tích tụ tập trung đất đai để hình thành vùng sản xuất tập trung.

- Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp phù hợp thúc đẩy sản xuất vùng khó khăn, đồng thời tạo động lực phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung có thể mạnh. Tăng cường các hoạt động tín dụng cho vay nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên nguồn vốn cho vay các dự án sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp. Tăng cường thu hút các nguồn lực vốn từ các thành phần kinh tế là chính, ngân sách nhà nước mang tính chất hỗ trợ một phần, các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất phải chủ động trong huy động nguồn vốn.

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế

- Mở rộng hợp tác quốc tế toàn diện với các đối tác tiềm năng trong ứng dụng chuyên giao công nghệ mới, tiên tiến: Chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm,... Tăng cường hợp tác quốc tế, vận động viện trợ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường.

- Hợp tác tốt với các đơn vị nghiên cứu khoa học và phát triển ứng dụng nông nghiệp bền vững của các nước trong khu vực để hợp tác nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao các công nghệ tiên tiến thông qua viện trợ hoặc thương mại. Tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), với các tổ chức quốc tế để hợp tác về lĩnh vực trồng trọt: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, quy trình và công nghệ sản xuất, công nghệ sau thu hoạch; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong trồng trọt; hợp tác đầu tư, liên kết sản xuất...

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách và theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán của các cơ quan, đơn vị, lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, kế hoạch khác có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các sở, ngành, tổ chức đoàn thể, địa phương chủ động lập dự toán chi hằng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

V. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

Danh mục nhiệm vụ triển khai thực hiện theo Đề án Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt: 08 nhiệm vụ.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch này, yêu cầu Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị liên quan chủ động triển khai thực hiện, cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm đảm bảo mục đích, yêu cầu và mục tiêu đề ra. Bố trí, lồng ghép các nguồn lực trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Đề án, Nghị quyết của tỉnh và huy động nguồn lực hợp pháp theo quy định của pháp luật để thực hiện tốt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

3. Sở Tài chính: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và các quy định hiện

hành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển các dự án thuộc Kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định khác của pháp luật.

5. Đài Phát thanh và Truyền hình Lai Châu, Báo Lai Châu và các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đảm bảo an ninh lương thực đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: V, CB;
- Lưu: VT, Kt9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải